

- Chi **Phan Thi T**, sinh năm 1974. Nơi cư trú: tỉnh Quảng B. Có mặt

- Anh **Hà Sỹ V**, sinh năm 1982. Nơi cư trú: tỉnh Nghệ An. Có mặt.
- Anh **Phạm Quang N**, sinh năm 1981. Nơi cư trú: tỉnh Nghệ An. Có mặt.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị **Nguyễn Thị Hà V** (V); sinh năm 1998. Nơi ĐKNKTT: tỉnh B Định. Nơi cư trú: thành phố Đà Nẵng. Có mặt.
- Chị **Nguyễn Thị Cúc O**, sinh năm 1997. Nơi ĐKNKTT và nơi cư trú: tỉnh Quảng Nam. Vắng.

(Ngoài ra trong vụ án còn có những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng tháng 10 năm 2018, Phan Đình N đến thành phố Đà Nẵng để lập nhóm thể thao điện tử L minh Huyền thoại, đặt tên là VS4 Gaming, nhóm có khoảng 06 người, do N thuê phòng trọ, thuê máy tính cũng như lo chi phí ăn ở cho các thành viên để tập luyện, đi lại tham gia các giải đấu. Ban đầu, N thuê căn hộ tại Chung cư X, đến khoảng tháng 7 năm 2019, N thuê nhà số 118 đường N để nhóm game đến tập luyện thi đấu.

Để có tiền duy trì nhóm VS4 Gaming, N tìm hiểu thông tin trên mạng internet, biết được nhiều người có nhu cầu xin Visa để đi xuất khẩu lao động và đi du lịch nước ngoài, đặc biệt là Hàn Quốc nhưng không đi được do một số quận, huyện ở các tỉnh thành như Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng B... nằm trong D sách bị cấm đi hoặc khó xin Visa nên đã nảy sinh ý định thành lập một Công ty chuyên tuyển dụng lao động và lo thủ tục Visa cho người khác đi nước ngoài để họ tin tưởng, ký hợp đồng, nộp tiền làm dịch vụ rồi chiếm đoạt.

N nhờ chị Nguyễn Thị Hà V sử dụng giấy tờ cá nhân thông qua dịch vụ là Công ty TNHH C Số để đăng ký thành lập doanh nghiệp có tên gọi là Công ty TNHH Du lịch V, địa chỉ tại, thành phố Đà Nẵng. Công ty do V đứng tên giám đốc và là người đại diện theo pháp luật, được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0401952599 ngày 17/01/2019. Công ty đăng ký 07 ngành nghề, trong đó có hoạt động tư vấn dịch vụ thủ tục xin visa. Sau khi có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và con dấu, chị V giao cho N, không tham gia bất kỳ vào hoạt động nào của Công ty.

Sau khi thành lập được Công ty, N đăng trên trang ứng dụng facebook cá nhân của N tên “Dịch vụ Visa Hàn và Quốc tế” với nội dung tuyển dụng lao động và du lịch đi Hàn Quốc và các nước khác, đảm bảo Visa kèm theo thông tin về Công ty TNHH Du lịch V, số điện thoại liên hệ là 0236 3611239. Ngoài ra, N sử dụng tên giả là “D” kèm theo số điện thoại 0843081918 làm số hotline

để khách hàng liên hệ. N lên mạng internet tìm hiểu về quy trình cấp Visa, soạn sẵn nội dung các gói Visa lưu trên trang facebook để N viên Công ty tư vấn cho người gọi đến hoặc trực tiếp tư vấn, đồng thời tải về các mẫu hợp đồng, phiếu thu để thực hiện việc giao, kết hợp đồng. Quá trình hoạt động, N tuyển dụng các N viên gồm: Chị Nguyễn Thị Cúc O, chị Nguyễn Kim T, Lê Thị T vào làm việc. N chủ yếu điều hành toàn bộ hợp đồng qua điện thoại hoặc tin nhắn qua ứng dụng messenger có tên tài khoản là “Ứng Đại N”. N giao con dấu Công ty cho chị O và chỉ đạo chị O và các N viên thực hiện việc ký hợp đồng, nhận hồ sơ, thu tiền của khách hàng rồi chuyển hết cho N để N liên hệ xin cấp Visa. Các N viên này không biết N xin Visa như thế nào.

Quá trình điều tra xác định từ tháng 03/2019 đến tháng 9/2019, bằng thủ đoạn như trên, N có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 20 bị hại, cụ thể như sau:

1. Ông Nguyễn Mạnh C: Tháng 4/2019, ông C ký Hợp đồng dịch vụ V với Công ty TNHH Du lịch V và nộp tổng cộng 57.500.000đ (Năm mươi bảy triệu, năm trăm ngàn đồng) để làm thủ tục đi xuất khẩu lao động Hàn Quốc.

2. Ông Đậu Xuân Đ: Ngày 20/8/2019, ông Đ ký Hợp đồng dịch vụ V với Công ty TNHH Du lịch V và nộp tổng cộng 232.500.000đ (Hai trăm ba mươi hai triệu, năm trăm ngàn đồng) để làm thủ tục đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc.

3. Ông Phan Đức T: Ngày 20/8/2019, ông T ký Hợp đồng dịch vụ V với Công ty TNHH Du lịch V và nộp tổng cộng 232.500.000đ (Hai trăm ba mươi hai triệu, năm trăm ngàn đồng) để làm thủ tục đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc.

4. Ông Nguyễn V N: Ngày 27/5/2019, ông N ký Hợp đồng dịch vụ V với Công ty TNHH Du lịch V và nộp tổng cộng 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) để làm thủ tục visa đi du lịch Hàn Quốc.

5. Bà Nguyễn Ngọc T: Do tin tưởng Công ty TNHH Du lịch V có khả năng xin được Visa đi lao động, đi du lịch tại Hàn Quốc và Canada, bà T nhận hồ sơ và tiền của 08 (tám) người gồm các ông bà: Phạm Thị H, Mai V Q, Cao V P, Phạm Thị T, Mai V, Hoàng T, Phạm Gia H, Cao P để liên hệ làm thủ tục.

Trong tháng 6 và tháng 7/2019, bà T ký kết các Hợp đồng dịch vụ V với Công ty TNHH Du lịch V và nộp tổng cộng 545.010.000đ (Năm trăm bốn mươi lăm triệu, không trăm mười ngàn đồng), sau khi nộp tiền thì được chị O trích lại tiền hoa hồng theo thỏa thuận là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng). Sau khi biết bị N lừa chiếm đoạt tiền, bà T trả lại tiền cho 08 (tám) người trên. Hiện N chưa trả lại số tiền 538.010.000đ (Năm trăm bốn mươi lăm triệu, không trăm mười ngàn đồng) cho bà T.

6. Bà Phan Thị T: Do tin tưởng Công ty TNHH Du lịch V có khả năng xin được Visa đi lao động Hàn Quốc nên bà T nhận hồ sơ và tiền của 03 người gồm

Nguyễn V L, Trần Thị L, Nguyễn Thị H để liên hệ làm thủ tục. Ngoài ra, đề tạo lòng tin cho bà T, N tạo tin nhắn giả giữa N và một người ghi tên “A Đ LSQ” có nội dung trao đổi liên quan đến việc cấp visa đi Hàn Quốc và hẹn đến lấy visa và chụp hình tờ giấy biên nhận thể hiện nội dung ngày hẹn lấy Visa là 09/9/2019 nhưng không thấy tên người nhận Visa gửi cho bà T để bà T nộp thêm tiền.

Ngày 11/7/2019, bà T ký kết Hợp đồng dịch vụ V với Công ty TNHH Du lịch V và nộp tổng cộng 388.500.000đ (Ba trăm tám mươi tám triệu, năm trăm ngàn đồng). Sau khi biết bị N lừa chiếm đoạt tiền, bà T đã trả lại tiền cho 03 người trên.

7. Ông Phan Đình H: Ngày 05/7/2019, ông H ký kết Hợp đồng dịch vụ visa 247 với Công ty TNHH Du lịch V và nộp tổng cộng 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) để làm thủ tục xin visa đi lao động Hàn Quốc và mua vé máy bay đi Hàn Quốc.

8. Bà V Thị D: Do tin tưởng Công ty TNHH Du lịch V có khả năng xin được visa đi du lịch và đi lao động tại Hàn Quốc nên bà D nhận hồ sơ và tiền của 06 (sáu) người gồm các ông bà: Nguyễn V A, Lưu Đình C, V V T, V V T, Đinh Thị H, Đinh Đăng T để liên hệ làm thủ tục.

Vào các ngày 23/7/2019 đến ngày 02/8/2019, bà D ký kết Hợp đồng dịch vụ visa 247 với Công ty TNHH Du lịch V và nộp tổng cộng 272.000.000đ (Hai trăm bảy mươi hai triệu đồng), Sau khi biết bị N lừa chiếm đoạt tiền, bà D đã trả lại tiền cho 06 (sáu) người trên.

9. Bà Trần Thị P: Ngày 01/8/2019, bà P ký Hợp đồng dịch vụ V với Công ty TNHH Du lịch V để làm thủ tục xin Visa đi lao động Hàn Quốc và nộp tổng cộng 141.000.000đ (Một trăm bốn mươi một triệu đồng).

10. Bà Trịnh Thị H: Ngày 12/8/2019, bà H ký Hợp đồng dịch vụ V với Công ty TNHH Du lịch V để làm thủ tục xin visa đi Canada và nộp tổng cộng 194.500.000đ (Một trăm chín mươi bốn, năm trăm ngàn đồng).

11. Ông Hồ Lê T: Ngày 05/8/2019, ông T ký Hợp đồng dịch vụ V với Công ty TNHH Du lịch V để xin Visa đi du lịch Hàn Quốc cho ông Nguyễn V Phong và nộp 47.000.000đ (Bốn mươi bảy triệu đồng). Sau khi biết N lừa chiếm đoạt tiền, ông T đã trả lại tiền cho ông Phong.

12. Ông Chu V G: Ngày 06/8/2019, ông G ký Hợp đồng dịch vụ V với Công ty TNHH Du lịch V để làm thủ tục xin Visa đi du lịch Hàn Quốc cho ông Nguyễn V Phong và nộp tổng cộng 70.500.000đ (Bảy mươi triệu năm trăm ngàn đồng).

13. Ông Hà Sỹ V: Ngày 06/8/2019, ông V ký Hợp đồng dịch vụ V với Công ty TNHH Du lịch V để làm thủ tục xin visa đi du lịch Hàn Quốc và nộp tổng cộng 70.500.000đ (Bảy mươi triệu năm trăm ngàn đồng).

14. Ông Phạm Quang N: Ngày 06/8/2019, ông N ký Hợp đồng dịch vụ V với Công ty TNHH Du lịch V để làm thủ tục visa đi du lịch Hàn Quốc và nộp tổng cộng 70.500.000đ (Bảy mươi triệu năm trăm ngàn đồng).

15. Ông Hoàng Anh H: Ngày 13/8/2019, ông H ký Hợp đồng dịch vụ V với Công ty TNHH Du lịch V để làm thủ tục Visa đi du lịch Úc và nộp tổng cộng 11.750.000đ (Mười một bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

16. Ông T Nhật V: Ngày 13/8/2019, ông H ký Hợp đồng dịch vụ V với Công ty TNHH Du lịch V để làm thủ tục Visa đi du lịch Úc và nộp tổng cộng 82.250.000đ (Tám mươi hai triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng).

17. Ông Cao C T: Ngày 03/9/2019, ông T ký Hợp đồng dịch vụ V với Công ty TNHH Du lịch V để làm thủ tục xin Visa đi lao động Hàn Quốc và nộp tổng cộng 140.104.500đ (Một trăm bốn mươi triệu, một trăm không bốn ngàn, năm trăm đồng).

18. Bà Trần Út H: Ngày 03/9/2019, bà H ký Hợp đồng dịch vụ V với Công ty TNHH Du lịch V để làm thủ tục xin visa đi lao động Hàn Quốc và nộp tổng cộng 255.000.000đ (Hai trăm năm mươi lăm triệu đồng).

19. Bà V Thị L: Ngày 18/8/2019, bà L ký Hợp đồng dịch vụ V với Công ty TNHH Du lịch V để làm thủ tục xin Visa thương mại Hàn Quốc cho 03 người gồm các ông bà Đặng V U, Trần Thị B và bà L và nộp tổng cộng 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng). Sau khi biết N lừa chiếm đoạt tiền, bà L đã trả lại tiền cho ông U và bà B.

20. Bà Lê Thị Ngọc S: Ngày 30/8/2019, bà S ký Hợp đồng dịch vụ V với Công ty TNHH Du lịch V để làm thủ tục xin Visa đi du lịch Hàn Quốc và nộp tổng cộng 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng). N chỉ đạo chị O hướng dẫn bà S làm thủ tục gồm hồ sơ chứng minh tài chính, hợp đồng lao động và dẫn bà S đến Lãnh sự quán Hàn Quốc nộp hồ sơ, việc liên hệ xin visa để N lo. Sau khi nộp hồ sơ thì bà S được cấp giấy hẹn đến ngày 29/9/2019 đến nhận visa. Tuy nhiên đến ngày 29/9/2019, bà S đến Lãnh sự quán Hàn Quốc thì được thông báo thủ tục không đủ và N viên Lãnh sự quán trả lại giấy tờ, hộ chiếu. Khi bà S liên lạc thì N tắt điện thoại.

Tổng cộng 20 bị hại nêu trên nộp cho Công ty TNHH Du lịch V tổng số tiền 3.154.114.500 đồng (Ba tỷ, một trăm năm mươi bốn triệu, một trăm mười bốn ngàn, năm trăm đồng) để làm thủ tục xin visa đi du lịch, đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, Úc, Canada cho 36 (Ba mươi sáu) trường hợp. Sau khi nhận tiền và hồ sơ của các bị hại nộp, chị O chuyển hết cho N, số tiền này N dùng trả lương N viên, trả tiền thuê văn phòng, trả nợ một số người, số còn lại chủ yếu N sử dụng vào việc duy trì nhóm VS4 Gaming. Hiện N chưa trả tiền lại cho các bị hại trên.

Ngoài các bị hại nêu trên, quá trình điều tra, chị O khai có 08 người khác nộp số tiền 914.550.000 đồng (Chín trăm mười bốn triệu, năm trăm năm mươi

ngàn đồng) để làm thủ tục xin Visa đi nước ngoài, tuy nhiên, sau khi không xin được Visa, những người này đòi lại tiền, N chỉ đạo chị O trả lại tiền và hồ sơ. Cơ quan CSĐT - Công an TP Đà Nẵng ra thông báo tìm bị hại nhưng các cá nhân này không liên hệ làm việc nên không có cơ sở xử lý.

Do khách hàng thường xuyên phản hồi tiêu cực về Công ty TNHH Du lịch V, chị O nghi ngờ hoạt động của Công ty nên ngày 07/9/2019 thì lập bảng báo cáo tổng hợp số tiền nhận của khách hàng, số tiền chuyển cho N, yêu cầu N ký xác nhận số liệu và xin nghỉ việc. Đến ngày 16/9/2019, khi nhiều người gọi điện đòi lại tiền, chị O liên lạc với N nhưng không được nên đến Công an quận T Khê, thành phố Đà Nẵng trình báo.

Ngày 16/9/2019, một số cá nhân gọi điện thoại đến chị Nguyễn Thị Hà V yêu cầu giải quyết việc xin Visa, chị V liên hệ N không được, nghi ngờ N có hành vi lừa đảo, chị V đến Công an quận T Khê, thành phố Đà Nẵng trình báo.

Khoảng ngày 17/9/2019, N nhờ dịch vụ giao hàng Grab chuyển đến chị V 01 gói hàng bao gồm hộ chiếu, hồ sơ khách hàng để nhờ chị V trả lại cho các bị hại, đến ngày 14/10/2019 thì chị V liên hệ Cơ Quan CSĐT - Công an TP Đà Nẵng giao nộp.

\* Tang vật tạm giữ:

Các tang, tài vật do chị Nguyễn Thị Hà V giao nộp theo Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu do Cơ quan CSĐT - Công an TP Đà Nẵng lập ngày 14/10/2019 gồm:

- + Số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm ngàn đồng).
- + 29 (hai mươi chín) hộ chiếu, hồ sơ của người xin Visa (hồ sơ gồm Giấy khám sức khỏe, Phiếu lý lịch tư pháp, ảnh thẻ, Chứng minh nhân dân, Giấy đăng ký kết hôn, Giấy xác nhận tình trạng hôn N, Giấy khai sinh, sổ hộ khẩu (các giấy tờ cá nhân là bản photocopy có công chứng);
- + 20 (hai mươi) Hợp đồng dịch vụ V (bản gốc); 01 (một) CMND mang tên Phan Đình N;
- + 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Du lịch V và các giấy tờ khác liên quan đến thành lập, hoạt động, thay đổi doanh nghiệp; Con dấu Công ty TNHH Du lịch V.

Chị Hồ Thị Như Nguyệt nộp lại số tiền 6.560.000 đồng (Sáu triệu, năm trăm sáu mươi ngàn đồng).

Tại Bản cáo trạng số: 35/2020/VKS-CT-P2 ngày 28/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Phan Đình N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

***Tại bản án hình sự sơ thẩm số 71/2020/HS-ST ngày 23/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:***

1. Tuyên bố bị cáo Phan Đình N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Căn cứ: Điểm a khoản 4 Điều 174; các Điểm b, g, m khoản 1 Điều 52; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: Phan Đình N: 17 (Mười bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam, ngày 30/10/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 587, 589 Bộ luật Dân sự 2015.

Tuyên:

Buộc bị cáo Phan Đình N phải có trách nhiệm trả lại cho những người bị hại số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt, cụ thể như sau:

- Trả lại cho ông Nguyễn Mạnh C số tiền: 57.500.000đ (Năm mươi bảy triệu, năm trăm ngàn đồng),
- Trả lại cho ông Đậu Xuân Đ số tiền: 232.500.000đ (Hai trăm ba mươi hai triệu, năm trăm ngàn đồng),
- Trả lại cho ông Phan Đức T số tiền: 232.500.000đ (Hai trăm ba mươi hai triệu, năm trăm ngàn đồng),
- Trả lại cho ông Nguyễn V N số tiền: 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).
- Trả lại cho bà Nguyễn Ngọc T số tiền: 545.010.000đ (Năm trăm bốn mươi lăm triệu, không trăm mười ngàn đồng),
- Trả lại cho bà Phan Thị T số tiền: 388.500.000đ (Ba trăm tám mươi tám triệu, năm trăm ngàn đồng),
- Trả lại cho ông Phan Đình H số tiền: 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng).
- Trả lại cho bà V Thị D số tiền: 272.000.000đ (Hai trăm bảy mươi hai triệu đồng)
- Trả lại cho bà Trần Thị P số tiền: 141.000.000đ (Một trăm bốn mươi một triệu đồng)
- Trả lại cho bà Trịnh Thị H số tiền: 194.500.000đ (Một trăm chín mươi bốn, năm trăm ngàn đồng)
- Trả lại cho ông Hồ Lê T số tiền: 47.000.000đ (Bốn mươi bảy triệu đồng)
- Trả lại cho ông Chu V G số tiền: 70.500.000đ (Bảy mươi triệu năm trăm ngàn đồng)
- Trả lại cho ông Hà Sỹ V số tiền: 70.500.000đ (Bảy mươi triệu năm trăm ngàn đồng)
- Trả lại cho ông Phạm Quang N số tiền: 70.500.000đ (Bảy mươi triệu năm trăm ngàn đồng)
- Trả lại cho ông Hoàng Anh H số tiền: 11.750.000đ (Mười một bảy trăm năm mươi ngàn đồng)
- Trả lại cho ông T Nhật V số tiền: 82.250.000đ (Tám mươi hai triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng)

- Trả lại cho ông Cao C T số tiền: 140.104.500đ (Một trăm bốn mươi triệu, một trăm không bốn ngàn, năm trăm đồng)

- Trả lại cho bà Trần Thị Út H số tiền: 255.000.000đ (Hai trăm năm mươi lăm triệu đồng)

- Trả lại cho bà V Thị L số tiền: 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng)

- Trả lại cho bà Lê Thị Ngọc S số tiền: 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).

Tổng số tiền bị cáo Phan Đình N phải có trách nhiệm trả lại cho các người bị hại là: 3.154.114.500đ (Ba tỷ, một trăm năm mươi bốn triệu, một trăm mười bốn ngàn, năm trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, những người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo Phan Đình N không thực hiện nghĩa vụ bồi thường thì bị cáo phải chịu thêm khoản lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 06/01/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 99/QĐ-VKS-P2 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2020/HS-ST ngày 23/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, theo hướng giảm hình phạt đối với bị cáo Phan Đình N và hủy bỏ phần kiến nghị về việc xem xét trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Thị Hà V và Nguyễn Thị Cúc O.

- Ngày 06 tháng 01 năm 2021, bị cáo Phan Đình N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Các ngày 08/01/2021; 10/01/2021 và 15/01/2021, các bị hại Đậu Xuân Đ, Phan Thị T, Phạm Quang N và Hà Sỹ V kháng cáo yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Thị Hà V, Nguyễn Thị Cúc O và buộc có trách nhiệm hoàn lại số tiền đã nhận.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị hại; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Đình N; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng, giảm hình phạt đối với bị cáo Phan Đình N và hủy bỏ phần kiến nghị về việc xem xét trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Thị Hà V và Nguyễn Thị Cúc O.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại



phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận; Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng tháng 10/2018, bị cáo Phan Đình N đến thành phố Đà Nẵng lập nhóm thể thao điện tử L minh huyền thoại có tên VS4 Gaming. Để có tiền chi phí cho nhóm game và sử dụng cá nhân, bị cáo N đã nhờ chị Nguyễn Thị Hà V (là người tham gia trong nhóm game) đứng tên để thành lập Công ty TNHH Du lịch V và đăng tải lên mạng xã hội facebook thông tin gian dối về việc tuyển dụng lao động và đảm bảo thủ tục xin Visa cho người khác đi xuất khẩu lao động, đi du lịch tại Hàn Quốc, Úc, Canada với mục đích để người khác tin tưởng nộp hồ sơ và tiền làm dịch vụ rồi chiếm đoạt. Với thủ đoạn như trên, từ tháng 3/2019 đến tháng 9/2019, bị cáo N đã nhận và chiếm đoạt của 20 người, với tổng số tiền là 3.154.114.500 đồng.

Với hành vi và tính chất, mức độ phạm tội nêu trên, án sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Phan Đình N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[1]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Công Minh và kháng nghị giảm hình phạt của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng, nhận thấy: Bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. Bị cáo chiếm đoạt số tiền là 3.154.114.500 đồng, gấp 06 lần mức khởi điểm của khung hình phạt; với 03 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, g, m khoản 1 Điều 52 BLHS: “Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp”, “Phạm tội 02 lần trở lên” (20 lần) và “Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt”. Án sơ thẩm cũng đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như sau khi phạm tội đã thật thà khai báo, hoàn cảnh gia đình khó khăn, theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để xử phạt bị cáo 17 năm tù là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, không nặng. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và kháng nghị đề nghị giảm án cho bị cáo của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng.

[2]. Xét kháng cáo của các bị hại Đậu Xuân Đ, Phan Thị T, Phạm Quang N và Hà Sỹ V về yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Thị Hà V (Vy), Nguyễn Thị Cúc O và buộc có trách nhiệm hoàn lại số tiền đã nhận, nhận thấy:

[2.1]. Đối với Nguyễn Thị Hà V (V): Chị V là người quen của bị cáo N, khi nghe N nói do vướng thủ tục thuế nên nhờ V đứng tên thành lập Công ty để hoạt động du lịch, bán vé máy bay và làm hộ chiếu cho khách hàng; chị V đã tin tưởng nên dùng chứng minh nhân dân của mình để tiến hành các thủ tục thành lập Công ty và mở tài khoản tại Ngân hàng để công ty giao dịch. Sau khi hoàn

tất các thủ tục, chị V đã giao toàn bộ hồ sơ Công ty, con dấu cho N, nên không biết Công ty hoạt động như thế nào, không biết các khoản tiền chuyển vào tài khoản do Công ty do V đứng tên là tiền do bị cáo N phạm tội mà có và cũng không hưởng lợi gì từ hành vi phạm tội của bị cáo N.

[2.2]. Đối với chị Nguyễn Thị Cúc O: Chị O là sinh viên mới tốt nghiệp; qua xem quảng cáo tuyển dụng người trên facebook, chị O liên hệ phỏng vấn và được bị cáo N tuyển dụng vào Công ty làm từ ngày 01/3/2019 đến ngày 07/9/2019, với nhiệm vụ tư vấn khách hàng theo các nội dung do N soạn sẵn, ký hợp đồng theo mẫu, nhận tiền, xuất phiếu thu; sau khi nhận tiền và hồ sơ của khách hàng thì chị O giao hết cho N. Quá trình làm việc chị O thực hiện đúng nhiệm vụ do N giao, không biết N lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác.

Như vậy, chị V và chị O đều là những người bị N đưa ra thông tin gian dối để lợi dụng; do đó, về ý thức chủ quan cả hai đều không biết việc bị cáo N thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác, nên không thỏa mãn vai trò “Đồng phạm” với bị cáo N theo quy định tại Điều 17 BLHS: “Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm”. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của các bị hại về yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Thị Hà V (Vy), Nguyễn Thị Cúc O và buộc có trách nhiệm hoàn lại số tiền đã nhận; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng về nội dung hủy bỏ phần kiến nghị về việc xem xét trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Thị Hà V và Nguyễn Thị Cúc O.

[3]. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[4]. Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phan Đình N; kháng nghị đề nghị giảm án cho bị cáo N của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng và kháng cáo của các bị hại Đậu Xuân Đ, Phan Thị T, Phạm Quang N và Hà Sỹ V về yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Thị Hà V, Nguyễn Thị Cúc O và buộc có trách nhiệm hoàn lại số tiền đã nhận; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng về nội dung hủy bỏ phần kiến nghị về việc xem xét trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Thị Hà V và Nguyễn Thị Cúc O; Sửa án sơ thẩm.

- Tuyên bố bị cáo cáo Phan Đình N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng các điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, g, m khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Phan Đình N 17 năm

tù. Thời gian tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 30/10/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Các Điều 587, 589 Bộ luật dân sự 2015; Buộc bị cáo Phan Đình N có trách nhiệm trả lại cho những người bị hại số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt; cụ thể như sau:

- Trả lại cho ông Nguyễn Mạnh C số tiền: 57.500.000đ (Năm mươi bảy triệu, năm trăm ngàn đồng).

- Trả lại cho ông Đậu Xuân Đ số tiền: 232.500.000đ (Hai trăm ba mươi hai triệu, năm trăm ngàn đồng).

- Trả lại cho ông Phan Đức T số tiền: 232.500.000đ (Hai trăm ba mươi hai triệu, năm trăm ngàn đồng).

- Trả lại cho ông Nguyễn V N số tiền: 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).

- Trả lại cho bà Nguyễn Ngọc T số tiền: 545.010.000đ (Năm trăm bốn mươi lăm triệu, không trăm mười ngàn đồng).

- Trả lại cho bà Phan Thị T số tiền: 388.500.000đ (Ba trăm tám mươi tám triệu, năm trăm ngàn đồng).

- Trả lại cho ông Phan Đình H số tiền: 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng).

- Trả lại cho bà V Thị D số tiền: 272.000.000đ (Hai trăm bảy mươi hai triệu đồng).

- Trả lại cho bà Trần Thị P số tiền: 141.000.000đ (Một trăm bốn mươi một triệu đồng).

- Trả lại cho bà Trịnh Thị H số tiền: 194.500.000đ (Một trăm chín mươi bốn, năm trăm ngàn đồng).

- Trả lại cho ông Hồ Lê T số tiền: 47.000.000đ (Bốn mươi bảy triệu đồng).

- Trả lại cho ông Chu V G số tiền: 70.500.000đ (Bảy mươi triệu năm trăm ngàn đồng).

- Trả lại cho ông Hà Sỹ V số tiền: 70.500.000đ (Bảy mươi triệu năm trăm ngàn đồng).

- Trả lại cho ông Phạm Quang N số tiền: 70.500.000đ (Bảy mươi triệu năm trăm ngàn đồng).

- Trả lại cho ông Hoàng Anh H số tiền: 11.750.000đ (Mười một bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

- Trả lại cho ông T Nhật V số tiền: 82.250.000đ (Tám mươi hai triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng).

- Trả lại cho ông Cao C T số tiền: 140.104.500đ (Một trăm bốn mươi triệu, một trăm không bốn ngàn, năm trăm đồng).

- Trả lại cho bà Trần Thị Út H số tiền: 255.000.000đ (Hai trăm năm mươi lăm triệu đồng).

- Trả lại cho bà V Thị L số tiền: 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu

đồng).

- Trả lại cho bà Lê Thị Ngọc S số tiền: 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).

Tổng số tiền bị cáo Phan Đình N phải có trách nhiệm trả lại cho các người bị hại là: 3.154.114.500đ (Ba tỷ, một trăm năm mươi bốn triệu, một trăm mười bốn ngàn, năm trăm đồng).

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Phan Đình N phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác về xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm, quyền yêu cầu thi hành án và trách nhiệm chịu lãi suất chậm trả được thực hiện theo Quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2020/HSST ngày 23/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT-Công an thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV-Công an thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Tào**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn T Long**

**Lê Phước T**

**Nguyễn Văn Tào**

